

Bản án số: 14/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 17-4-2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Kim Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nhi

2. Ông Bùi Văn Mưa Lớn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Châm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 362/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng T, sinh năm 1989, địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 26/3/2019.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1987, địa chỉ: ấp G, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre, vắng mặt không có lý do lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T trình bày:

Về hôn nhân: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết nhau trước chị và anh Lê Văn L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện M, vào ngày 20/01/2014. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được khoảng 04 tháng thì bắt đầu mất hạnh phúc. Nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh Lượng cờ bạc, chơi game bắn cá và nghiện ma túy bị đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trong thời gian anh L đi cai nghiện, chị vẫn ở nhà chăm sóc con nhưng đến khi anh L đi cai nghiện về tính tình không thay đổi, vẫn đi chơi và quan hệ với thành phần xấu. Anh chị chính thức sống ly thân từ năm 2018 cho

đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không có tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị xin được ly hôn với anh L vì không còn tình cảm.

Về nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Lê Quang H, sinh ngày 04/8/2014 và Lê Quang H, sinh ngày 15/5/2016. Nay ly hôn chị xin nuôi hai con chung và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi mỗi con chung là 500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H, cháu H tròn 18 tuổi.

Về chia tài sản: Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Bị đơn anh Lê Văn L vắng mặt trong quá trình Tòa giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nên không ghi nhận được ý kiến trình bày của anh L.

Tại biên bản xác minh ngày 07/01/2019, ông H là Trưởng ấp G cung cấp nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng của chị T và anh L như sau:

Chị T và anh L sau khi kết hôn sống ở gia đình chồng. Trong quá trình chung sống, anh L sử dụng ma túy và bị đưa vào cơ sở cai nghiện. Sau khi cai nghiện về thì anh L lại tiếp tục sử dụng ma túy, chị T khuyên thì anh L không nghe dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và chị T xin ly hôn với anh L.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng T; Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Hồng T trực tiếp nuôi con chung tên Lê Quang H, sinh ngày 04/8/2014 và Lê Quang H1, sinh ngày 15/5/2016, anh Lê Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H, cháu H1 tròn 18 tuổi; Tài sản chung, nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện M nhận định:

[1] Đối với nguyên đơn chị Lê Thị Hồng T có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 26/3/2019 nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T là phù hợp. Đối với bị đơn anh Lê Văn L đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp.

[2] *Về hôn nhân:* Hôn nhân của chị Lê Thị Hồng T và anh Lê Văn L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc được khoảng 04 tháng thì bắt đầu mất hạnh phúc. Theo chị Thẩm trình bày nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh Lượng cờ bạc, chơi game bắn cá và nghiện ma túy bị đưa

vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Trong thời gian anh L đi cai nghiện, chị vẫn ở nhà chăm sóc con nhưng đến khi anh L đi cai nghiện về tính tình không thay đổi, vẫn đi chơi và quan hệ với thành phần xấu. Anh chị chính thức sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị không có tạo điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh L vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh ngày 07/01/2019, ông H là Trưởng ấp G cũng xác định trong quá trình chung sống, anh L sử dụng ma túy và bị đưa vào cơ sở cai nghiện. Sau khi cai nghiện về thì anh L lại tiếp tục sử dụng ma túy, chị T khuyên thì anh L không nghe dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và chị T xin ly hôn với anh L. Ngoài ra, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thông báo cho anh L đến Tòa để tham gia hòa giải nhằm tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng anh L vẫn vắng mặt không lý do chứng minh anh không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Và chị T cương quyết được ly hôn với anh L vì không còn tình cảm. Điều đó chứng tỏ rằng cuộc sống hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ.

[3] *Về nuôi con chung*: Trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Lê Quang H, sinh ngày 04/8/2014 và Lê Quang H1, sinh ngày 15/5/2016. Nay ly hôn chị xin nuôi hai con chung. Anh L vắng mặt vào các lần mời của Tòa nên không có lời trình bày. Xét thấy, cháu H và cháu H1 hiện đang sống với chị T và hiện tại chị T đủ điều kiện để đảm bảo trực tiếp nuôi cháu H và cháu H1 nên để cháu H và cháu H1 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật. Đối với yêu cầu cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con đối với mỗi con chung là 500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H, cháu H1 tròn 18 tuổi. Xét thấy, đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật thì sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chưa thành niên, việc cấp dưỡng nuôi con đồng thời là quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con đối với con chưa thành niên. Nên để nhằm đảm bảo quyền lợi cho cháu H và cháu H1 cần chấp nhận yêu cầu của chị T buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H và cháu H1. Theo quy định pháp luật mức cấp dưỡng nuôi con là không được thấp hơn $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu. Biết rằng mức lương tối thiểu do Chính phủ qui định tại thời điểm xét xử là 1.390.000 đồng. Tuy nhiên, việc chị T chỉ yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 500.000 đồng/tháng là sự tự nguyện của chị nên ghi nhận. Vì vậy, buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi cháu 500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H, cháu H1 tròn 18 tuổi là phù hợp luật định và đảm bảo đủ điều kiện vật chất cho sự phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần của con chung đồng thời cũng nâng cao quyền và nghĩa vụ đối với con chung của người không trực tiếp nuôi con.

[4] *Về chia tài sản*: Theo chị T trình bày là vợ chồng anh chị không có tài sản chung và không có nợ ai, anh L đã nhận được thông báo thụ lý vụ án của

Tòa án tuy nhiên anh không có ý kiến hay yêu cầu, tranh chấp gì. Do đó không có căn cứ để xác định anh chị có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí:*

Chị Lê Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm và anh Lê Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M là phù hợp hoàn toàn với nhận định của Tòa nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Hồng T.

Chị Lê Thị Hồng T được ly hôn với anh Lê Văn L.

2. Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Hồng T tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung tên Lê Quang H, sinh ngày 04/8/2014 và Lê Quang H1, sinh ngày 15/5/2016. Anh Lê Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con chung 500.000 đồng/tháng. Hình thức cấp dưỡng: Mỗi tháng cấp 01 lần. Thời hạn cấp dưỡng: Tính từ tháng 4/2019 cho đến khi cháu H, cháu H1 tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung chưa thành niên, theo yêu cầu của chị T, anh L Toà án có thể thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. *Về chia tài sản:* Trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và cũng không có nợ ai nên không đề cập.

4. *Về án phí:*

Chị Lê Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo biên lai thu số ***** ngày **/**/**** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Anh Lê Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi cục THADS huyện M (1b);
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (2b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Kim Sang